

Số: 169/2022/QĐST-HNGĐ

TP.Thủ Đức, ngày 17 tháng 01 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 6,7,7a và Điều 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 06 tháng 01 năm 2022.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1827/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Đồng Thị T, sinh năm 1985.

2/ Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1978.

Cùng nơi cư trú: Đường Nguyễn Thị Định, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú tại thành phố Thủ Đức. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Đồng Thị T và ông Nguyễn Ngọc K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét thấy: Bà Đồng Thị T và ông Nguyễn Ngọc K tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 191, Quyền 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường

22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2007. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, bà T và ông K phát sinh mâu thuẫn do sự khác biệt trong tính cách, bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, bà T và ông K thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa bà T với ông K là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà T và ông K là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Đồng Thị T và ông Nguyễn Ngọc K có 03 con chung gồm: Trẻ Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 15/7/2008; Trẻ Nguyễn Ngọc AT, sinh ngày 26/02/2017 và trẻ Nguyễn Ngọc DB, sinh ngày 04/12/2018. Bà T và ông K thỏa thuận:

- Giao trẻ Nguyễn Ngọc Anh T cho bà Đồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

- Giao trẻ Nguyễn Ngọc AT và trẻ Nguyễn Ngọc DB cho ông Nguyễn Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng không bên nào có yêu cầu thực hiện mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận trên của bà T và ông K không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Đồng Thị T tự nguyện chịu.

Xét nội dung thỏa thuận trên của đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân giữa bà Đồng Thị T và ông Nguyễn Ngọc K thuận tình ly hôn, quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191, Quyền 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố

Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2007 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Đồng Thị T và ông Nguyễn Ngọc K có 03 con chung gồm: Trẻ Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 15/7/2008; Trẻ Nguyễn Ngọc AT, sinh ngày 26/02/2017 và trẻ Nguyễn Ngọc DB, sinh ngày 04/12/2018. Bà T và ông K thỏa thuận:

Giao trẻ Nguyễn Ngọc Anh T cho bà Đồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Giao trẻ Nguyễn Ngọc AT và trẻ Nguyễn Ngọc DB cho ông Nguyễn Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng không bên nào có yêu cầu thực hiện mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Lệ phí giải quyết ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Đồng Thị T tự nguyện chịu và được căn trừ vào số tiền bà T đã tạm nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0025090 do Chi cục Thi hành thành phố Thủ Đức lập ngày 15 tháng 12 năm 2021.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: *“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân*

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Chí Quang